

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số 00010 ngày 03 tháng 09 năm 2025)

Tài khoản dự toán ☐ Tài khoản tiền gửi: ☒

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **Văn phòng Đảng ủy xã Nguyễn Nghiêm**
2. Mã đơn vị: **1147030**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **Tài khoản số 4508201004015 tại Ngân hàng Agribank Đức Phổ**

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp tháng 9/2025

Đơn vị tính: *Đồng*

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			190.460.000	186.459.000	-	-	-	4.001.000	-	-	-
I	Đối với công chức, viên chức			186.459.000	186.459.000	-	-	-	-	-	-	-
1	Nguyễn Thịnh	4513205091524	Agribank	18.181.000	18.181.000							
2	Phạm Thị Lê Dung	4508215000210	Agribank	12.703.000	12.703.000							
3	Trần Công Sứ	4508215007328	Agribank	11.459.000	11.459.000							
4	Nguyễn Duy Khánh	4508215003753	Agribank	9.541.000	9.541.000							
5	Huỳnh Sỹ	5104215005100	Agribank	12.695.000	12.695.000							
6	Huỳnh Văn Cầu	4508215015962	Agribank	8.108.000	8.108.000							
7	Nguyễn Mậu Bảo Khuê	4508215014591	Agribank	7.967.000	7.967.000							
8	Nguyễn Thuận Cảnh	4508215009483	Agribank	12.703.000	12.703.000							
9	Nguyễn Thị Phương Linh	4508215009714	Agribank	14.708.000	14.708.000							
10	Phan Thị Kim Tính	4508215015513	Agribank	12.461.000	12.461.000							
11	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	4508205078959	Agribank	7.622.000	7.622.000							
12	Nguyễn Thị Hồng Thi	4508215004421	Agribank	6.324.000	6.324.000							
13	Nguyễn Thị Lệ	4508215015507	Agribank	7.216.000	7.216.000							
14	Lê Thị Bích Nghi	4508205083811	Agribank	14.095.000	14.095.000							

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
15	Huỳnh Xuân Bình	4508215001685	Agribank	11.459.000	11.459.000							
16	Bùi Văn Vỹ	4508988170295	Agribank	10.568.000	10.568.000							
17	Nguyễn Trọng Sơn	4508215015486	Agribank	8.649.000	8.649.000							
II	Đối với lao động hợp đồng theo thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			-								
III	Đối với lao động hợp đồng theo thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			-								
IV	Thanh toán cá nhân khác			4.001.000	-	-	-	-	4.001.000	-	-	-
1	Nguyễn Thị Diễm	4508215015696	Agribank	4.001.000					4.001.000			

Tổng số tiền bằng chữ: **Một trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.**

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Không thay đổi so với tháng trước

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Huỳnh Sỹ

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Huỳnh Sỹ

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Trần Công Sứ

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện